TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2024/HN-ST Ngày: 24 - 5- 2024 "V/v Ly hôn*"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Thanh Sơn.
2. Bà Trần Thị Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

***Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024. Về " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Sâm B, sinh năm 2003.

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Thạch D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Sân B1 có lời trình bày và yêu cầu như sau: Bà với ông Thạch D do tìm hiểu quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, hôn nhân có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/02/2022, nữ trang cưới không có.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà ông Thạch D, thời gian đầu vợ chồng

chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, ông D có tánh gia trưởng và ích kỷ làm bà tổn thương tinh thần. Nhiều lần bà cố tạo điều kiện để vợ chồng hiểu nhau và gắn kết lại tình cảm vợ chồng nhưng không được, mâu thuẫn gia đình ngày càng nghiêm trọng và vợ chồng đã ly thân nhau từ giữa năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian tới vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, bà yêu cầu xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Bà Sâm B khai không có, bà không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của ông Thạch D có lời trình bày như sau: Ông với bà Sâm B tự nguyện đi đến xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới với vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bà Sâm B hay ghen tuôn vô cớ, khi ông đi làm thuê về thì vợ chồng thường xuyên cự cải về tiền bạc, do ông không có tiền đưa cho bà Sâm B nên bà nghĩ ông đem tiền cho người khác từ đó vợ chồng đó xảy ra mâu thuẫn, bà Sâm B tự ý về nhà cha mẹ của bà sống, nay tình cảm vợ chồng không còn, thời gian tới không thể hàn gắn được. Nay bà Sâm B yêu cầu xin ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Ông xác định là không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại điện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật hôn nhân và gia đình và các quy định của pháp luật có liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Sâm B.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị Sâm B với ông Thạch D được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Không có nên không xem xét. Vị đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Do đương sự không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Thạch Thị Sâm B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thạch D. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Thạch Thị Sân B1 và ông Thạch Dong C có hộ khẩu tại xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bà Thạch Thị Sâm B là nguyên đơn và ông Thạch D là bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Bà Thạch Thị Sâm B và ông Thạch D xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 11 tháng 02 năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 12/2022 ngày 11/02/2022. Từ đó xác định hôn nhân giữa bà Thạch Thị Sâm B với ông Thạch D là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà Sâm B cho rằng nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, ông D có tánh gia trưởng và ích kỷ làm bà tổn thương tinh thần. Nhiều lần bà cố tạo điều kiện để vợ chồng hiểu nhau và gắn kết lại tình cảm vợ chồng nhưng không được, mâu thuẫn gia đình ngày càng nghiêm trọng. Phía ông Thạch D thì cho rằng nguyên nhân vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn là do bà Sâm B hay ghen tuôn vô cớ, khi ông đi làm về thì vợ chồng thường xuyên cự cải về tiền bạc, do ông không có tiền đưa cho bà Sâm B nên bà nghĩ ông đem tiền cho người khác từ vợ chồng đó xảy ra mâu thuẫn. Ông bà xác định vợ chồng ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển về mọi mặt thì mới xây dựng gia đình hạnh phúc, mà đằng này khi mâu thuẫn xảy ra thì ông bà bỏ mặt nhau, không quan tâm nhau trong cuộc sống. Theo lời khai của ông bà thì ông, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc thời gian tới không thể tiếp tục chung sống được với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông, bà điều thống nhất ly hôn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Sâm B và ông D cùng có ý kiến thống nhất ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của ông, bà.

[3] Về con chung: Bà Sâm B và ông D điều xác định ông, bà không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Bà Sâm B và ông D điều xác định ông, bà không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thạch Thị Sâm B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 19, 53, 54, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Sâm B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị Sâm B với ông Thạch D được ly hôn.

2. Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Do đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thạch Thị Sâm B phải chịu số tiền án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Thạch Thị Sâm B đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002697 ngày 08/3/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu, như vậy bà Thạch Thị Sâm B đã nộp đủ án phí.

Ông Thạch D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Thạch Thị Sâm B và ông Thạch D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên